

Số: 18 /QĐ-BHXH

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu bổ sung dự toán chi lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng từ nguồn ngân sách Nhà nước đảm bảo năm 2023

### TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 89/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2949/QĐ-BHXH ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Quy chế công khai tài chính; quản lý, sử dụng tài sản; kết quả kiểm toán, thanh tra và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị thuộc hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Quyết định số 1586/QĐ-BHXH ngày 12 tháng 11 năm 2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế công khai tài chính; quản lý, sử dụng tài sản; kết quả kiểm toán, thanh tra và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị thuộc hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 2949/QĐ-BHXH;

Căn cứ Quyết định số: 17 /QĐ-BHXH ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc giao bổ sung dự toán chi lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng từ nguồn ngân sách Nhà nước đảm bảo năm 2023;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán chi lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng từ nguồn ngân sách Nhà nước đảm bảo năm 2023 cho Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán, Giám đốc Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

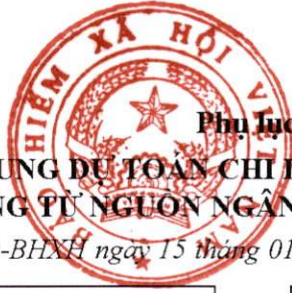
**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Công TTĐT BHXH Việt Nam (để đăng tải);
- Lưu: VT, KHĐT (2b).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đào Việt Ánh**



Phụ lục

**CÔNG KHAI PHÂN BỐ BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI LƯƠNG HỮU, TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ TRỢ CẤP HÀNG THÁNG TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẢM BẢO NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 18/QĐ-BHXH ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam) *th*

TT	Đơn vị	Số tiền (triệu đồng)
A	B	1
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.247.433</b>
1	Hà Nội	637.974
2	TP Hồ Chí Minh	117.594
3	An Giang	3.224
4	Bà Rịa - Vũng Tàu	19.834
5	Bạc Liêu	2.868
6	Bắc Giang	63.305
7	Bắc Kạn	11.425
8	Bắc Ninh	54.248
9	Bến Tre	6.733
10	Bình Dương	14.089
11	Bình Định	24.458
12	Bình Phước	10.689
13	Bình Thuận	8.675
14	Cà Mau	4.167
15	Cao Bằng	40.850
16	Cần Thơ	9.036
17	Đà Nẵng	39.619
18	Đắk Lắk	34.380
19	Đắk Nông	5.441
20	Điện Biên	15.404
21	Đồng Nai	29.022
22	Đồng Tháp	3.280
23	Gia Lai	21.363
24	Hà Giang	17.837
25	Hà Nam	59.191
26	Hà Tĩnh	97.760
27	Hải Dương	114.156
28	Hải Phòng	165.686
29	Hậu Giang	2.608
30	Hoà Bình	30.580
31	Hưng Yên	66.546

TT	Đơn vị	Số tiền (triệu đồng)
A	B	1
32	Khánh Hoà	20.424
33	Kiên Giang	7.275
34	Kon Tum	10.206
35	Lai Châu	7.838
36	Lạng Sơn	27.942
37	Lào Cai	23.963
38	Lâm Đồng	20.596
39	Long An	8.335
40	Nam Định	129.511
41	Nghệ An	211.262
42	Ninh Bình	90.997
43	Ninh Thuận	4.244
44	Phú Thọ	92.865
45	Phú Yên	6.670
46	Quảng Bình	55.657
47	Quảng Nam	45.273
48	Quảng Ngãi	17.696
49	Quảng Ninh	109.008
50	Quảng Trị	25.366
51	Sóc Trăng	2.343
52	Son La	36.190
53	Tây Ninh	5.569
54	Thái Bình	146.106
55	Thái Nguyên	73.754
56	Thanh Hoá	174.664
57	Thừa Thiên Huế	19.112
58	Tiền Giang	7.848
59	Trà Vinh	2.963
60	Tuyên Quang	39.818
61	Vĩnh Long	3.426
62	Vĩnh Phúc	41.159
63	Yên Bái	47.311